

Hạ Long, ngày 15 tháng 08 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
Mã chứng khoán : RIC  
Địa chỉ : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  
Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728  
Website : <http://vn.royalhalonghotel.com>

2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 và Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/08/2022 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC 6 tháng năm 2022;
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2021.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ  
HOÀNG GIA

M.S.D.N. 02033.848.777 - C.T.C.P  
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

*Lin Yi Huang*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 09a - DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận Đầu tư

Số 221.032.000.118 đề ngày 1 tháng 7 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp có thời hạn hoạt động là 49 năm kể từ ngày 13 tháng 8 năm 1994.

*Được thay thế bởi:*

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 5700102119 đề ngày 11 tháng 5 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 11) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021.

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư

Số 544.2194.665 đề ngày 17 tháng 7 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 13) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư được cấp ngày 9 tháng 12 năm 2021.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Thành viên
Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thắng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022)
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2022)
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch
------------------	----------

#### Trụ sở chính

Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

### BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

#### TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 tuân thủ theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2014 (“Thông tư 200”) được trình bày trong Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt và ký báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định số 01-101221/CTHĐQT đề ngày 10 tháng 12 năm 2021.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 200 được trình bày trong Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để có thêm thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.



Công Nghĩa Nam  
Phó tổng giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Quảng Ninh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2022



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2022, và được Phó Tổng Giám đốc (theo sự ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 15 tháng 8 năm 2022. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2014 (“Thông tư 200”) được trình bày tại Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC được nêu tại Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

### Chính sách kế toán

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam mô tả chính sách kế toán áp dụng. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này được lập nhằm giúp Công ty tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty do một đơn vị kiểm toán khác soát xét và phát hành báo cáo soát xét đề ngày 12 tháng 8 năm 2021 với kết luận chấp nhận toàn phần. Đồng thời, các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng do đơn vị kiểm toán này kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội**



Mai Viết Hùng Trân  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 3181  
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2022 VND	31.12.2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>74.953.975.625</b>	<b>25.342.016.080</b>
110	Tiền		19.046.281.875	9.238.093.520
111	Tiền	3	19.046.281.875	9.238.093.520
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>46.910.912.500</b>	<b>8.465.005.440</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	21.421.473.750	6.348.097.520
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	25.437.176.250	2.710.075.920
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	6.027.808.750	5.354.020.400
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(5.975.546.250)	(5.947.188.400)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	9	<b>8.466.062.500</b>	<b>7.482.180.400</b>
141	Hàng tồn kho		8.466.062.500	7.482.180.400
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>530.718.750</b>	<b>156.736.720</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		530.718.750	156.736.720
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>819.080.285.000</b>	<b>824.074.944.800</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>693.647.278.750</b>	<b>699.337.827.200</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	693.428.331.250	699.088.198.560
222	Nguyên giá		1.233.865.663.125	1.207.801.980.160
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(540.437.331.875)	(508.713.781.600)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	218.947.500	249.628.640
228	Nguyên giá		103.980.660.625	101.799.877.040
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(103.761.713.125)	(101.550.248.400)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>109.076.786.250</b>	<b>106.735.759.280</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	109.076.786.250	106.735.759.280
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>9.698.879.375</b>	<b>9.495.465.040</b>
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	9.698.879.375	9.495.465.040
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.657.340.625</b>	<b>8.505.893.280</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.215.635.000	1.576.242.080
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	12	5.441.705.625	6.929.651.200
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>894.034.260.625</b>	<b>849.416.960.880</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2022 VND	31.12.2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>232.337.268.125</b>	<b>169.526.893.680</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>214.090.533.125</b>	<b>169.526.893.680</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.434.681.250	1.922.792.560
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		864.875.000	378.789.840
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.172.305.625	3.030.748.880
314	Phải trả người lao động		5.948.767.500	3.712.620.400
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.611.946.250	2.821.962.800
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	95.915.123.125	75.048.815.280
320	Vay ngắn hạn	17(a)	92.142.834.375	82.611.163.920
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>18.246.735.000</b>	-
338	Vay dài hạn	17(b)	18.246.735.000	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>661.696.992.500</b>	<b>679.890.067.200</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>661.696.992.500</b>	<b>679.890.067.200</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	703.687.540.000	703.687.540.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		81.363.105.200	81.363.105.200
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	19	312.629.016.978	298.322.047.370
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	11.206.193.409	11.206.193.409
421	Lỗi lũy kế	19	(447.188.863.087)	(414.688.818.779)
421a	- Lỗi lũy kế của các năm trước		(414.688.818.779)	(309.833.764.104)
421b	- Lỗi của kỳ này/năm nay		(32.500.044.308)	(104.855.054.675)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>894.034.260.625</b>	<b>849.416.960.880</b>

Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng



Công Nghĩa Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2022 VND	2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.408.684.761	54.849.086.420
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.408.684.761	54.849.086.420
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(56.629.036.807)	(71.625.325.780)
20	Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(6.220.352.046)	(16.776.239.360)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.681.256.638	1.406.913.340
22	Chi phí tài chính	(4.942.908.749)	(2.504.898.280)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(4.853.018.075)	(1.715.956.840)
25	Chi phí bán hàng	(5.616.033.426)	(7.049.552.720)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(17.850.663.492)	(20.330.274.140)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(31.948.701.075)	(45.254.051.160)
31	Thu nhập khác	100.650.941	179.095.600
32	Chi phí khác	(651.994.174)	(694.950.780)
40	Lỗ khác	(551.343.233)	(515.855.180)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(32.500.044.308)	(45.769.906.340)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28	-
60	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(32.500.044.308)	(45.769.906.340)
70	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	29(a)	(462)
71	Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	29(b)	(462)

Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng



Công Nghĩa Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2022 VND	2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lỗi kế toán trước thuế</b>	<b>(32.500.044.308)</b>	<b>(45.769.906.340)</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	20.697.591.533	23.315.484.720
03	Hoàn nhập dự phòng	(98.264.869)	-
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(864.652.841)	632.888.860
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.271.357)	309.941.280
06	Chi phí lãi vay	4.853.018.075	1.715.956.840
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(7.914.623.767)</b>	<b>(19.795.634.640)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(15.665.228.027)	1.221.257.040
10	Tăng hàng tồn kho	806.400.564	2.014.572.280
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	31.263.829.582	(2.072.904.960)
12	Tăng chi phí trả trước	23.562.461	2.000.760.280
14	Tiền lãi vay đã trả	(2.957.031.498)	(3.978.891.900)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.556.909.315</b>	<b>(20.610.841.900)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(22.549.458.721)	(3.486.263.900)
27	Tiền thu từ cổ tức và lãi	2.271.357	1.565.360
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(22.547.187.364)</b>	<b>(3.484.698.540)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	84.772.778.990	91.932.487.840
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(58.049.185.564)	(87.531.892.560)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>26.723.593.426</b>	<b>4.400.595.280</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>9.733.315.377</b>	<b>(19.694.945.160)</b>
60	<b>Tiền đầu kỳ</b>	3	9.361.730.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(48.764.051)	(140.768.940)
70	<b>Tiền cuối kỳ</b>	3	<b>19.046.281.875</b>
			<b>12.385.142.880</b>

Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng



Công Nghĩa Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 221.032.000.118 đề ngày 1 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp có thời hạn hoạt động là 49 năm kể từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Sau đó, Giấy Chứng nhận Đầu tư được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700102119 đề ngày 11 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 544.2194.665 đề ngày 17 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (lần thứ 11) được cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư (lần thứ 13) được cấp ngày 9 tháng 12 năm 2021.

Trước ngày 13 tháng 5 năm 2022, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”). Từ ngày 26 tháng 5 năm 2022, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”). Mã giao dịch cổ phiếu của Công ty là ‘RIC’.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng cho người nước ngoài, xây dựng và kinh doanh một khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao và cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí khác. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đổi ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QUN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 592 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 640 nhân viên)

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được lập theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (tiếp theo)**

Theo Thông tư 200, báo cáo tài chính giữa niên độ lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được quy đổi sang Đồng Việt Nam cho mục đích công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo nguyên tắc như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế 23.125 VND = 1 USD tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo (2021: 22.640 VND = 1 USD).
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn.
- Lợi nhuận sau thuế được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá 22.943 VND = 1 USD là tỷ giá bình quân của các tỷ giá mua chuyển khoản vào ngày cuối tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cho cả kỳ. Tỷ giá bình quân này được đánh giá là xấp xỉ với tỷ giá thực tế của các ngày giao dịch do có chênh lệch không vượt quá 3% (2021: 23.020 VND = 1 USD).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” – Mã số 417 thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để có thêm thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (tiếp theo)**

Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế là 32.500.044.308 Đồng Việt Nam (2021: 45.769.906.340 Đồng Việt Nam), và cũng tại ngày này, số lỗ lũy kế của Công ty là 447.188.863.087 Đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 414.688.818.779 Đồng Việt Nam) và nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 139.136.557.500 Đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 144.184.877.600 Đồng Việt Nam). Theo đánh giá của Ban Giám đốc của Công ty thì Công ty vẫn có khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trên cơ sở dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tốt hơn kể từ khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt. Ngoài ra, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ tài chính, các khoản vay khác từ bên cho vay (Thuyết minh 35) nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty và giúp cho Công ty thanh toán được các khoản nợ khi tới hạn, tiếp tục kinh doanh và hoạt động liên tục trong 12 tháng tới. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đô La Mỹ ("USD"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán.

Đơn vị tiền tệ được trình bày trên báo cáo tài chính chuyển đổi là Đồng Việt Nam. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam được trình bày tại Thuyết minh 2.1.

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh, hay bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước tùy thuộc vào từng loại hàng tồn kho. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.8 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	35 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Quyền sử dụng đất	27 năm
Phần mềm	5 - 10 năm
TSCĐ khác	5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.13 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lỗi lũy kế phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.18 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ của Công ty.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9 và 10); và
- Giả định hoạt động liên tục (Thuyết minh 2.1).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

## 3 TIỀN

	30.6.2022 VND	31.12.2021 VND
Tiền mặt	16.325.602.500	8.137.246.160
Tiền gửi ngân hàng	2.720.679.375	1.100.847.360
	<u>19.046.281.875</u>	<u>9.238.093.520</u>

## 4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại ngày 30.6.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.698.879.375	-	9.495.465.040	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2022 VND	31.12.2021 VND
Bên thứ ba	21.421.473.750	6.348.097.520
Trong đó:		
- Công ty TNHH IGT Hạ Long	13.685.906.875	6.002.837.520
- Khách đoàn Long Bay	5.975.546.250	300.930.880
- Khác	1.760.020.625	44.329.120
	<u>21.421.473.750</u>	<u>6.348.097.520</u>

## 6 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.6.2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)	<u>21.421.473.750</u>	<u>15.445.927.500</u>	<u>5.975.546.250</u>
	31.12.2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)	<u>6.348.097.520</u>	<u>400.909.120</u>	<u>5.947.188.400</u>

## 7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2022 VND	31.12.2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hai A	18.047.721.250	-
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ an toàn Thăng Long	1.586.051.250	1.552.787.040
Công ty Đầu tư và phát triển NME	951.663.125	931.703.920
Khác	4.851.740.625	225.584.960
	<u>25.437.176.250</u>	<u>2.710.075.920</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2022 VND	31.12.2021 VND
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối kỳ/năm (*)	5.383.500.000	5.301.722.000
Khác	644.308.750	52.298.400
	<u>6.027.808.750</u>	<u>5.354.020.400</u>

(\*) Số dư bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt mà Công ty đã nộp trước cho cơ quan thuế liên quan tới số chip mà khách hàng chưa sử dụng cuối kỳ (do khác biệt thời điểm tính/nộp thuế và thời điểm hạch toán doanh thu kế toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam). Khoản phải thu thuế này sẽ được căn trừ với số thuế phải nộp trong tương lai.

## 9 HÀNG TỒN KHO

	30.06.2022		31.12.2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.681.743.125	-	4.687.566.720	-
Hàng hóa	2.784.319.375	-	2.794.613.680	-
	<u>8.466.062.500</u>	<u>-</u>	<u>7.482.180.400</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

10	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác	Tổng cộng VND
a)	TSCĐ Hữu hình						
	<b>Nguyên giá</b>						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	876.244.093.040	264.539.683.600	13.839.016.960	18.719.838.720	34.459.347.840	1.207.801.980.160
	Mua trong kỳ	-	54.053.708	-	134.285.379	-	188.339.087
	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	18.771.130.085	5.667.467.067	296.463.040	402.086.526	738.197.160	25.875.343.878
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	895.015.223.125	270.261.204.375	14.135.480.000	19.256.210.625	35.197.545.000	1.233.865.663.125
	<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	(220.412.965.200)	(224.846.850.720)	(11.026.993.120)	(18.653.480.880)	(33.773.491.680)	(508.713.781.600)
	Khấu hao trong kỳ	(10.413.414.726)	(9.337.709.228)	(785.384.776)	(23.310.088)	(102.027.521)	(20.661.846.339)
	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(4.804.350.699)	(4.890.801.302)	(242.453.354)	(399.784.657)	(724.313.924)	(11.061.703.936)
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	(235.630.730.625)	(239.075.361.250)	(12.054.831.250)	(19.076.575.625)	(34.599.833.125)	(540.437.331.875)
	<b>Giá trị còn lại</b>						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	655.831.127.840	39.692.832.880	2.812.023.840	66.357.840	685.856.160	699.088.198.560
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	659.384.492.500	31.185.843.125	2.080.648.750	179.635.000	597.711.875	693.428.331.250



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 10 TSCĐ (TIẾP THEO)

## a) TSCĐ Hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã thế chấp TSCĐ với giá trị còn lại là 635.589.815.625 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 640.077.129.120 Đồng Việt Nam) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 17).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, TSCĐ bao gồm một số tài sản tạm thời dừng hoạt động để sửa chữa với giá trị còn lại là 2.837.668.750 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.862.760.080 Đồng Việt Nam).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 146.839.032.500 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 142.417.282.240 Đồng Việt Nam).

## b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	99.486.227.520	2.313.649.520	101.799.877.040
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	2.131.219.980	49.563.605	2.180.783.585
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	101.617.447.500	2.363.213.125	103.980.660.625
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	(99.486.227.520)	(2.064.020.880)	(101.550.248.400)
Khấu hao trong kỳ	-	(35.745.194)	(35.745.194)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(2.131.219.980)	(44.499.551)	(2.175.719.531)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	(101.617.447.500)	(2.144.265.625)	(103.761.713.125)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	249.628.640	249.628.640
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	218.947.500	218.947.500

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 103.620.419.375 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 101.447.191.120 Đồng Việt Nam).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ/năm như sau:

	30.06.2022 VND	31.12.2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
Dự án cải tạo và xây mới khách sạn và biệt thự Hoàng Gia (i)	45.274.171.250	44.324.637.280
<i>Trong đó</i>		
- <i>Cải tạo khu biệt thự</i>	33.783.960.000	33.075.409.920
- <i>Chi phí thiết kế</i>	11.490.211.250	11.249.227.360
Dự án Nhà đa năng (ii)	63.802.615.000	62.411.122.000
	<u>109.076.786.250</u>	<u>106.735.759.280</u>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, dự án cải tạo và xây mới khách sạn và biệt thự Hoàng Gia đang tạm dừng do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ban Giám đốc của Công ty đang trong quá trình đánh giá lại và xem xét việc tiếp tục thực hiện dự án này trong tương lai hay không. Việc xử lý số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan tới dự án này sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức từ Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (ii) Dự án Nhà đa năng đã được Công ty hoàn thiện và đưa vào sử dụng trong tháng 7 năm 2022.

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2022 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
Số dư đầu kỳ/năm	106.735.759.280	108.480.115.770
Tăng trong kỳ/năm	54.505.625	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	2.286.521.345	(1.744.356.490)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>109.076.786.250</u>	<u>106.735.759.280</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 12 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	30.06.2022 VND	31.12.2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
Vật tư thay thế, sửa chữa	5.441.705.625	6.929.651.200

## 13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.06.2022 VND	31.12.2021 VND
Công ty Điện lực Quảng Ninh	660.496.250	-
Doanh nghiệp Tư nhân Khá Thuý	378.695.000	191.624.960
Khác	3.395.490.000	1.731.167.600
	<u>4.434.681.250</u>	<u>1.922.792.560</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND VND	Tại ngày 30.06.2022 VND
Thuế GTGT đầu ra	566.973.520	5.347.554.440	(1.159.585.106)	(943.576.761)	37.882.657	3.849.248.750
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.884.734.720	5.352.441.299	(3.482.082.053)	-	55.212.284	3.810.306.250
Thuế TNCN	579.040.640	1.025.643.872	(1.178.306.594)	-	11.193.332	437.571.250
Thuế khác	-	290.251.893	(215.664.200)	-	591.682	75.179.375
	<u>3.030.748.880</u>	<u>12.015.891.504</u>	<u>(6.035.637.953)</u>	<u>(943.576.761)</u>	<u>104.879.955</u>	<u>8.172.305.625</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.06.2022 VND	31.12.2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
Tiền thuê đất trích trước (*)	3.956.225.000	2.293.182.960
Lãi vay	2.277.511.875	358.798.720
Khác	378.209.375	169.981.120
	<u>6.611.946.250</u>	<u>2.821.962.800</u>

(\*) Theo hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ đề ngày 7 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho lô đất thuê với diện tích là 62.377,6 m<sup>2</sup>, Công ty có nghĩa vụ đóng tiền thuê đất từ ngày 13 tháng 4 năm 2021. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa nhận được thông báo đóng tiền thuê đất từ Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty tạm trích trước chi phí tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 4 năm 2021 tới ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## 16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.06.2022 VND	31.12.2021 VND
Phải trả cho Đại lý Long Bay (*)	50.973.905.625	49.527.830.000
Nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng khách sạn	16.264.991.875	-
Khách ký gửi chip chưa dùng	15.900.796.250	15.114.509.280
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	7.137.785.625	4.612.288.720
Khác	5.637.643.750	5.794.187.280
	<u>95.915.123.125</u>	<u>75.048.815.280</u>

(\*) Khoản phải trả cho Đại lý Long Bay là khoản tiền mà Đại lý Long Bay ký gửi tại Công ty nhằm đảm bảo cho khách hàng của Đại lý Long Bay tham gia chơi trò chơi có thưởng tại Câu lạc bộ của Công ty và hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản tiền ký gửi này không được tính lãi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang trong quá trình đàm phán với Đại lý Long Bay để tất toán khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

17 VAY

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND VND	Tại ngày 30.06.2022 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	70.349.883.280	52.584.851.254	(53.616.368.534)	(755.421.218)	1.492.878.343	70.055.823.125
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	4.374.274.400	-	(4.432.817.030)	-	58.542.630	-
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (ii)	7.887.006.240	14.282.246.930	-	(361.627.566)	279.385.646	22.087.011.250
	<u>82.611.163.920</u>	<u>66.867.098.184</u>	<u>(58.049.185.564)</u>	<u>(1.117.048.784)</u>	<u>1.830.806.619</u>	<u>92.142.834.375</u>
<b>b) Dài hạn</b>						
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (ii)	-	17.905.680.806	-	197.447.458	143.606.736	18.246.735.000
	<u>-</u>	<u>17.905.680.806</u>	<u>-</u>	<u>197.447.458</u>	<u>143.606.736</u>	<u>18.246.735.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

**17 VAY (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số dư các khoản vay của Công ty bao gồm:

Bên cho vay	Số dư tại 30.6.2022 VND	Thời hạn hoàn trả gốc	Lãi suất một năm	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
(i) Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	70.055.823.125	6 tháng kể từ ngày giải ngân	6,5%-9,7%	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản cố định (Thuyết minh 10)
• Hợp đồng hạn mức tín dụng đề ngày 5 tháng 8 năm 2021 với hạn mức là 75.500.000.000 Đồng Việt Nam					
(ii) Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân	4.686.998.125	08/10/2022	10,00%	Bổ sung vốn lưu động	Không
• Hợp đồng vay đề ngày 8 tháng 10 năm 2021	3.199.991.250	29/12/2022	12,10%	Bổ sung vốn lưu động	Không
• Hợp đồng vay đề ngày 7 tháng 1 năm 2021	4.000.000.625	07/01/2023	12,10%	Bổ sung vốn lưu động	Không
• Hợp đồng vay đề ngày 27 tháng 1 năm 2021	10.200.021.250	27/01/2023	12,10%	Bổ sung vốn lưu động	Không
• Hợp đồng vay đề ngày 29 tháng 6 năm 2022	18.246.735.000	29/06/2025	12,10%	Bổ sung vốn lưu động	Không

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

## a) Số lượng cổ phiếu

	30.06.2022	31.12.2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký	70.368.754	70.368.754
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.368.754	70.368.754
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.06.2022		31.12.2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	36.938.632	52,49%	36.938.632	52,49%
Bà Ngô Thu Mật	2.261.980	3,21%	2.261.980	3,21%
Ông Nguyễn Khởi Phát	1.888.092	2,68%	1.888.092	2,68%
Bà Nguyễn Tiểu Mai	1.770.955	2,52%	1.770.955	2,52%
Các cổ đông khác	27.509.095	39,10%	27.509.095	39,10%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.368.754	100%	70.368.754	100%

## c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông '000 VND
Tại ngày 1.1.2021	70.368.754	703.687.540
Tại ngày 31.12.2021	70.368.754	703.687.540
Tại ngày 30.6.2022	70.368.754	703.687.540

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ sau thuế lũy kế	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(102.537.258.488)	-	(102.537.258.488)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	-	-	-	-	(11.717.833.402)	(11.717.833.402)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (đã báo cáo trước đây)	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(412.371.022.592)	298.297.434.143	682.183.250.160
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 34)	-	-	-	(2.317.796.187)	24.613.227	(2.293.182.960)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (trình bày lại)	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(414.688.818.779)	298.322.047.370	679.890.067.200
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(32.500.044.308)	-	(32.500.044.308)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	-	-	-	-	14.306.969.608	14.306.969.608
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(447.188.863.087)	312.629.016.978	661.696.992.500



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.271.357	1.565.360
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.380.549.139	629.044.520
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	864.652.841	-
Khác	433.783.301	776.303.460
	<u>2.681.256.638</u>	<u>1.406.913.340</u>

## 24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	4.853.018.075	1.715.956.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	89.890.674	156.052.580
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	632.888.860
	<u>4.942.908.749</u>	<u>2.504.898.280</u>

## 25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	4.418.592.370	6.157.113.360
Chi phí khấu hao TSCĐ	531.933.455	540.118.260
Khác	665.507.601	352.321.100
	<u>5.616.033.426</u>	<u>7.049.552.720</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	13.314.281.760	14.576.287.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	451.564.126	501.651.840
Chi phí công cụ, dụng cụ	172.485.474	156.789.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.283.316.705	3.943.533.180
Khác	2.629.015.427	1.152.012.880
	<u>17.850.663.492</u>	<u>20.330.274.140</u>

## 27 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
Chi phí nhân viên	42.585.878.880	54.607.077.160
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.697.591.533	23.315.484.720
Chi phí nguyên vật liệu và tiêu hao phẩm	3.012.553.558	3.654.770.300
Khác	13.799.709.754	17.427.820.460
	<u>80.095.733.725</u>	<u>99.005.152.640</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(32.500.044.308)	(45.769.906.340)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(6.500.004.273)	(9.153.972.060)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(66.159.480)
Chi phí không được khấu trừ	158.903.218	60.887.900
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	30.284.760	957.148.580
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (*)	6.310.816.295	8.202.095.060
Chi phí thuế TNDN (**)	-	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (**)	-	-

(\*) Các khoản lỗi tính thuế của Công ty có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗi. Số lỗi thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho các khoản lỗi tính thuế đã phát sinh của Công ty vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗi tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

(\*\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 29 LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

## a) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lỗ thuần chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Chi tiết như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022	2021 (Trình bày lại – Thuyết minh 34)
Lỗ thuần	(32.500.044.308)	(45.769.906.340)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(462)	(650)

## b) Lỗ suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lỗ trên cổ phiếu. Vì vậy, lỗ suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành tại Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>		
	<b>Câu lạc bộ trò chơi có thường VND</b>	<b>Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Doanh thu thuần của bộ phận	15.379.817.107	35.028.867.654	50.408.684.761
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(5.755.549.809)	(15.354.969.838)	(21.110.519.647)
<b>Lỗ sau thuế TNDN</b>			<b>(32.500.044.308)</b>

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>		
	<b>Câu lạc bộ trò chơi có thường VND</b>	<b>Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Doanh thu thuần của bộ phận	30.388.057.440	24.461.028.980	54.849.086.420
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(6.280.523.580)	(17.515.802.900)	(23.796.326.480)
<b>Lỗ sau thuế TNDN</b>			<b>(45.769.906.340)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 30 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Câu lạc bộ trò chơi có thường VND	Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	188.339.087	188.339.087
Tài sản của bộ phận	152.186.226.250	618.502.915.000	770.689.141.250
Tài sản không phân bổ			123.345.119.375
<b>Tổng tài sản</b>			<b>894.034.260.625</b>
Nợ phải trả của bộ phận	91.818.182.500	30.019.580.000	121.837.762.500
Nợ phải trả không phân bổ			110.499.505.625
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>232.337.268.125</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	83.911.961	1.160.374.047	1.244.286.008
Tài sản của bộ phận	146.921.895.120	647.069.493.120	793.991.388.240
Tài sản không phân bổ			55.425.572.640
<b>Tổng tài sản</b>	<b>146.921.895.120</b>	<b>647.069.493.120</b>	<b>849.416.960.880</b>
Nợ phải trả của bộ phận	74.664.456.000	1.266.640.080	75.931.096.080
Nợ phải trả không phân bổ			93.595.797.600
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>169.526.893.680</b>

## 31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt  
Các cá nhân liên quan

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và  
các cá nhân quản lý chủ chốt khác

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

Bên liên quan	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2022 VND	2021 VND
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Ông Kuo Ta Wei	342.561.933	-
Ông Đỗ Trí Vỹ	-	717.197.025
Ông Công Nghĩa Nam	214.998.853	-
Ông Loh Siaw Kiang	280.271.688	593.531.805
Ông Phạm Ngọc Nam	927.539.604	187.416.000
Bà Cao Thị Huyền	275.912.518	183.001.000
	<u>2.041.284.596</u>	<u>1.681.145.830</u>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 34 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (trích dẫn):

Mã số		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		
		Số liệu đã báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Số liệu điều chỉnh lại VND
11	Giá vốn cung cấp dịch vụ (ii)	(70.931.157.680)	(694.168.100)	(71.625.325.780)
60	Lỗ sau thuế TNDN (ii)	(45.075.738.240)	(694.168.100)	(45.769.906.340)
70	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (ii)	(641)	(9)	(650)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (trích dẫn):

Mã số		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		
		Số liệu đã báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Số liệu điều chỉnh lại VND
01	Lỗ kế toán trước thuế (ii)	(45.075.738.240)	(694.168.100)	(45.769.906.340)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (ii)	(2.767.073.060)	694.168.100	(2.072.904.960)

- (i) Phân loại lại vật tư xây dựng của dự án cải tạo biệt thự (Thuyết minh 11) từ khoản mục thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
- (ii) Ghi nhận tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Thuyết minh 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

## 35 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã ký với Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân một hợp đồng cho vay hạn mức đề ngày 1 tháng 8 năm 2022. Theo đó, Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân sẽ cấp cho Công ty một hạn mức tín dụng là 36.000.000.000 Đồng Việt Nam với thời hạn một năm, từ ngày 1 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 7 năm 2023. Trong thời hạn trên, Công ty có quyền yêu cầu giải ngân theo từng hợp đồng cho vay cụ thể với tổng số dư vay không vượt quá hạn mức nêu trên. Lãi vay được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân. Thời hạn hoàn trả khoản gốc và lãi vay được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân, nhưng không quá 1 năm kể từ ngày giải ngân.

Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được Phó Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn Ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng



Công Nghĩa Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
Số: 15082022 /RIC-KT

"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6  
tháng đầu năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2021"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Hạ long, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

So sánh một số chỉ tiêu tại báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 :

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021	Chênh lệch tăng (Giảm)	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
<b>I</b>	<b>Phần thu</b>				
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50,408,684,761	54,849,086,420	(4,440,401,659)	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2,681,256,638	1,406,913,340	1,274,343,298	
3	Thu nhập khác	100,650,941	179,095,600	(78,444,659)	(44)
	<b>Cộng thu</b>	<b>53,190,592,340</b>	<b>56,435,095,360</b>	<b>(3,244,503,020)</b>	<b>(6)</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí</b>				
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	56,629,036,807	71,625,325,780	(14,996,288,973)	(21)
2	Chi phí tài chính	4,942,908,749	2,504,898,280	2,438,010,469	97
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	4,853,018,075	1,715,956,840	3,137,061,235	183
3	Chi phí bán hàng	5,616,033,426	7,049,552,720	(1,433,519,294)	(20)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,850,663,492	20,330,274,140	(2,479,610,648)	(12)
5	Chi phí khác	651,994,174	694,950,780	(42,956,606)	(6)
	<b>Cộng chi phí</b>	<b>85,690,636,648</b>	<b>102,205,001,700</b>	<b>(16,514,365,052)</b>	<b>(16)</b>
<b>III</b>	<b>Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(32,500,044,308)</b>	<b>(45,769,906,340)</b>	<b>(13,269,862,032)</b>	<b>(29)</b>



Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu:

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm:**

Nguyên nhân chủ yếu là do từ tháng 1 đến đầu tháng 5/2022 dịch Covid bùng phát mạnh đặc biệt là ở các tỉnh phía bắc nên doanh thu các ngành nghề đặc biệt là ngành du lịch, dịch vụ giảm.

**2. Doanh thu hoạt động tài chính tăng :**

Nguyên nhân chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá tăng

**3. Giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi khác giảm :**

Nguyên nhân chủ yếu: Công ty đã sử dụng mọi biện pháp để cắt giảm chi phí như giảm chi phí điện nước, cắt giảm nhân công... do vậy chi phí giảm

**4. Chi phí hoạt động tài chính tăng:**

Nguyên nhân chủ yếu là do góc vay tăng do vậy lãi vay tăng

**5. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm:**

Tuy doanh thu giảm nhưng chi phí giảm nhiều hơn nên lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2022 giảm so với 06 tháng đầu năm 2021 .

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng gia, Kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**Phó tổng giám đốc**



**Công Nghĩa Nam**